TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **57**/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 16-6-2026
V/v: *Tranh chấp về xác định cha cho con*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Hoàng Thị Lan**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Lương Văn Nay**

Bà **Phạm Thị Lan**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Quách Thị Khuyến** là Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát khu vực 4 – Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Ông **Nguyễn Văn Thành** – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đồng Nai, Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 309/2025/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2025 về việc "Tranh chấp về xác định cha cho con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 155/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh **Lê Hải L**, sinh năm 1989

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, tỉnh Nghệ An.

Đại diện theo ủy quyền: Bà **Ngô Phương Hoàng G**, sinh năm 1987; Địa chỉ: Ấp C, xã P, thành phố Hồ Chí Minh (theo văn bản ủy quyền ngày 07/5/2026).

- *Bị đơn*: Chị **Đinh Thị Mỹ H**, sinh năm 1989

Địa chỉ: Số F, ấp T, xã G, thành phố Đ.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Anh **Phạm T**, sinh năm 1984

Địa chỉ: C, ấp Đ, xã T, thành phố Đ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông T: Luật sư Đỗ Duy K - Công ty L3; Địa chỉ: H đường X, ấp X, huyện H (nay là xã X), Thành phố Hồ Chí Minh.

(Nguyên đơn, bị đơn, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt, ông T có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/10/2025, các lời khai tiếp theo nguyên đơn anh Lê Hải L do bà Ngô Phương Hoàng G đại diện theo ủy quyền trình bày:***

Anh Lê Hải L và chị Đinh Thị Mỹ H quen biết và nảy sinh tình cảm từ năm 2020. Trong thời gian hai bên có quan hệ tình cảm thì chị H đã có chồng là anh Phạm T, nhưng thời điểm đó chị H và anh T đã sống ly thân. Do mẫu thuẫn vợ chồng, chị H và anh T đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 159/2021/QĐST-HNGĐ ngày 01/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất (nay là Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đồng Nai).

Ngày 08/10/2020 chị H sinh con, giới tính nam dự định đặt tên con là Lê Hải L1 theo giấy chứng sinh số 4441/20, quyển số 2020 ngày 08/10/2020 tại Bệnh viện Đ. Tại kết luận giám định số 123/KL-KTHS ngày 01/4/2026 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh đã kết luận ông Lê Hải L và cháu Lê Hải L1 có quan hệ huyết thống cha – con.

Nay anh L yêu cầu xác định anh là cha đẻ của bé trai, dự định đặt tên là Lê Hải L1 theo giấy chứng sinh số 4441/20, quyển số 2020 ngày 08/10/2020 tại Bệnh viện Đ. Anh L2 yêu cầu được thay đổi thông tin đặt tên của bé là Trần Khôi N.

** Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án chị Đinh Thị Mỹ H trình bày:*

Chị H và anh T trước đây là vợ chồng nhưng đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 159/2021/QĐST-HNGĐ ngày 01/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất (nay là Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đồng Nai). Do quá trình chung sống với nhau xảy ra mâu thuẫn nên chị H đã quen biết và có quan hệ tình cảm với anh L2. Ngày 08/10/2020 chị H sinh 01 bé trai dự định đặt tên là Lê Hải L1 theo giấy chứng sinh số 4441/20, quyển số 2020 ngày 08/10/2020 tại Bệnh viện Đ. Hiện nay con chị vẫn chưa làm được giấy khai sinh. Chị H xác định bé trai theo giấy chứng sinh trên là con chung giữa chị và anh L2.

Nay anh L2 yêu cầu xác định bé trai trai dự định đặt tên là Lê Hải L1 theo giấy chứng sinh số 4441/20, quyển số 2020 ngày 08/10/2020 tại Bệnh viện Đ, đồng thời yêu cầu được thay đổi tên con là Trần Khôi N thì chị H đồng ý và không có ý kiến gì thêm.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm T trình bày:*

Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/11/2025 anh T trình bày, anh và chị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã G, huyện T (nay là xã T), thành phố Đ. Tuy nhiên, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn dẫn đến việc anh T và chị H không sống chung với nhau từ giữa năm 2017 đến thời điểm vợ chồng ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 159/2021/QĐST-HNGĐ ngày 01/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất (nay là Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đồng Nai).

Anh T xác định đã nhận được kết luận giám định số 123/KL-KTHS ngày 01/4/2026 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh, anh T không có ý kiến đối với kết luận giám định trên.

Quá trình giải quyết vụ án anh T có đơn kiến nghị không đồng ý xác định bé trai sinh ngày 08/10/2020, theo giấy chứng sinh số 4441/20, quyển số 2020 ngày

08/10/2020 tại Bệnh viện Đ là con của anh Lê Hải L. Anh T xác định thời điểm đó anh và chị H chưa ly hôn, vì vậy bé trai trên là con hợp pháp giữa anh và chị H.

Ngoài ra anh T không trình bày gì thêm.

**** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Đồng Nai:***

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng*: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đều không đến tham dự phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

- *Về nội dung vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Xác định anh Lê Hải L, sinh năm 1989, căn cước công dân số 040089035297 là cha đẻ của bé trai, dự định đặt tên là Lê Hải L1 (tên gọi khác Lê Khôi N1) theo giấy chứng sinh số 4441/20, quyển số 2020 ngày 08/10/2020 tại Bệnh viện Đ.

Về án phí: Anh Lê Hải L được miễn án phí do thuộc trường hợp miễn nộp tạm ứng án phí theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho các đương sự, tại phiên tòa anh T có mặt, anh L và chị H vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ pháp luật: Anh Linh khởi kiện yêu cầu xác định anh là cha đẻ của bé trai, dự định đặt tên là Lê Hải L1 (tên gọi khác: Lê Khôi N1) theo giấy chứng sinh số 4441/20, quyển số 2020 ngày 08/10/2020 tại Bệnh viện Đ, căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là "*Tranh chấp về xác định cha cho con*".

[3] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn chị Đinh Thị Mỹ H hiện đang cư trú tại xã G, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đồng Nai theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[4] Về xác định tư cách đương sự: Căn cứ Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xác định anh Lê Hải L là nguyên đơn, chị Đinh Thị Mỹ H là bị đơn, anh Phạm T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[5] Về nội dung:

[5.1] Bà Đinh Thị Mỹ H và ông Phạm T là vợ chồng nhưng đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 159/2021/QĐST-HNGĐ ngày 01/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất (nay là Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đồng Nai). Đối với phần con chung tại Quyết định trên thể hiện anh T và chị H có 01 con chung là cháu Phạm Hà M, sinh ngày 01/10/2017.

[**5.2]** Ngày 06 tháng 02 năm 2026, Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đồng Nai đã ban hành Quyết định trưng cầu giám định số 01/2026/QĐ-TCGĐ yêu cầu giám định AND đối với Lê Hải L, sinh năm 1989; Địa chỉ: T, T, Y, Nghệ An (nay là xóm T, xã Đ, tỉnh Nghệ An) và bé trai, tên dự định đặt tại giấy chứng sinh là Lê Hải L1 (tên gọi khác: Lê Khôi N1), sinh ngày 08/10/2020 tại Bệnh viện Đ theo giấy chứng sinh số 4441; quyển số 2020 để xác định quan hệ huyết thống cha, con.

Tại Kết luận giám định số 123/KL-KTHS ngày 01/4/2026 của Phân viện KHHS tại Thành phố Hồ Chí Minh kết huận: Ông Lê Hải L và cháu Lê Hải L1 có quan hệ huyết thống cha – con. Do đó anh Lê Hải L yêu cầu Tòa án xác định anh là cha đẻ của bé trai, dự định đặt tên là Lê Hải L1 theo giấy chứng sinh số 4441/20, quyển số 2020 ngày 08/10/2020 tại Bệnh viện Đ là có căn cứ theo quy định tại Điều 89, Điều 91, khoản 2 Điều 102 Luật Hôn nhân và đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5.3] Xét yêu cầu của anh Lê Hải L về việc muốn đổi tên con từ tên dự định đặt theo giấy chứng sinh Lê Hải L1 thành tên Lê Khôi N1. Căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 4 Nghị định 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số tiều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch: Họ, chữ đệm, tên và dân tộc của trẻ em được xác định theo thỏa thuận của cha, mẹ theo quy định của pháp luật dân sự và được thể hiện trong Tờ đăng ký khai sinh; trường hợp cha, mẹ không có thỏa thuận hoặc không thỏa thuận được, thì xác định theo tập quán. Bị đơn chị Đinh Thị Mỹ H thống nhất theo ý kiến của anh Lê Hải L về việc đổi tên dự định đặt cho con Lê Hải L1 thành tên Lê Khôi N1. Vì vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của anh L, chị H về việc đổi tên con từ tên dự định đặt theo giấy chứng sinh là Lê Hải L1 thành tên Lê Khôi N1.

[6] Đối với ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm T cho rằng anh là cha hợp pháp của bé trai dự định đặt tên là Lê Hải L1 theo giấy chứng sinh số 4441/20, quyển số 2020 ngày 08/10/2020 tại Bệnh viện Đ vì thời điểm đó anh T và chị H chưa ly hôn là không có cơ sở chấp nhận.

[7] Về án phí: Anh Lê Hải L được miễn án phí do thuộc trường hợp miễn nộp tạm ứng án phí theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Ý kiến của Kiểm sát viên: Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với nhận định trên nên cần ghi nhận.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 4 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 238; Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – anh Lê Hải L về việc "Tranh chấp về xác định cha cho con".

Xác định anh Lê Hải L, sinh năm 1989, căn cước công dân số 040089035297 là cha đẻ của bé trai, dự định đặt tên là Lê Hải L1 (tên gọi khác Lê Khôi N1) theo giấy chứng sinh số 4441/20, quyển số 2020 ngày 08/10/2020 tại Bệnh viện Đ.

Ghi nhận sự thỏa thuận của anh Lê Hải L và chị Đinh Thị Mỹ H về việc đổi tên con từ tên dự định đặt theo giấy chứng sinh là Lê Hải L1, sinh ngày 08/10/2020, giới tính nam theo chứng sinh số 4441/20, quyển số 2020 ngày 08/10/2020 tại Bệnh viện Đ thành tên Lê Khôi N1.

2. *Về án phí*: Anh Lê Hải L được miễn án phí do thuộc trường hợp miễn nộp tạm ứng án phí theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

3. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Đồng Nai;
- VKSND thành phố Đồng Nai;
- VKSND khu vực 4 – Đồng Nai;
- Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 4;
- UBND xã G;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Lan